Phụ lục

DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)

TỪ NGÀY 01 – 15/11/2026

(Kèm theo Thông báo số 981 /TB-SPS-BNNMT ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Văn phòng SPS Việt Nam)

1. Danh sách thông báo dự thảo lấy ý kiến góp ý

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/CHE/77/Add.4	ATTP	Thụy Sĩ	13/11/2026	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm biến đổi gen nhằm bổ sung một số enzyme và riboflavin được sản xuất từ vi sinh vật biến đổi gen vào danh mục được phép sử dụng trong thực phẩm.	Thụy Sĩ dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm biến đổi gen nhằm bổ sung một số enzyme và riboflavin được sản xuất từ vi sinh vật biến đổi gen vào danh mục được phép sử dụng trong thực phẩm. Theo đó, Bộ Nội vụ Liên bang Thụy Sĩ (Eidgenössisches Departement des Innern - EDI) dự thảo sửa đổi Phụ lục 3 Quy định ngày 27/5/2020 về thực phẩm biến đổi gen (Verordnung über gentechnisch veränderte Lebensmittel - VGVL), danh mục các sản phẩm biến đổi gen được phép đưa ra thị trường mà không cần cấp phép của Văn phòng Liên bang về An toàn thực phẩm và Thú y (Bundesamt für Lebensmittelsicherheit und Veterinärwesen - BLV), cụ thể: (i) Phần A – Enzyme: bổ sung 36 enzyme (theo mã số phân loại enzyme - Enzyme Commission number - EC) được sản xuất từ các chủng vi sinh vật biến đổi gen thuộc *Aspergillus niger, Aspergillus oryzae, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis, Trichoderma reesei, Komagataella phaffii, Ogataea polymorpha, Kluyveromyces lactis và Saccharomyces cerevisiae*, như glucose oxidase, catalase, transglutaminase, triacylglycerol lipase, phospholipase, phytase, alpha-amylase, glucoamylase, cellulase, xylanase, pectinesterase, chymosin, protease…, dùng trong chế biến bánh, ngũ cốc, trứng, sữa và sản phẩm sữa, dầu mỡ, tinh bột, bia, đồ uống có cồn, nước quả, rượu vang, cà phê, protein và thực phẩm thay thế thịt, sữa; (ii) Phần B – Sản phẩm biến đổi gen khác: bổ sung riboflavin được sản xuất bằng chủng *Bacillus subtilis* biến đổi gen

						RFE 334, dùng làm phụ gia tạo màu hoặc để tăng cường vi chất. Quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/02/2027. ***Thời hạn góp ý đến ngày 14/01/2027.***
2	G/SPS/N/EU/990	ATTP	Liên minh châu Âu	13/11/2026	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 2073/2005 về tiêu chí an toàn thực phẩm đối với độc tố cereulide trong sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ sơ sinh, sản phẩm dinh dưỡng công thức tiếp theo dành cho trẻ nhỏ và thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh.	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định (EC) số 2073/2005 về tiêu chí an toàn thực phẩm đối với độc tố cereulide trong sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ sơ sinh, sản phẩm dinh dưỡng công thức tiếp theo dành cho trẻ nhỏ và thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh. Theo đó, Ủy ban châu Âu (European Commission - EC) dự thảo bổ sung tiêu chí an toàn thực phẩm đối với cereulide (độc tố gây nôn do một số chủng *Bacillus cereus* sinh ra, bền với xử lý nhiệt) vào Chương 1, Phụ lục I Quy định (EC) số 2073/2005, từ tháng 12/2025 đến tháng 5/2026, việc phát hiện độc tố cereulide trong các sản phẩm thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh của nhiều nhà sản xuất đã dẫn đến các đợt thu hồi sản phẩm trên diện rộng tại nhiều quốc gia thành viên EU và các quốc gia ngoài EU và đánh giá rủi ro nhanh của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA) ngày 02/02/2026, cụ thể: (i) sản phẩm dạng khô: giới hạn cereulide 0,1 µg/kg (tính trên sản phẩm khô khi đưa ra thị trường); mẫu phải được hoàn nguyên theo tỷ lệ nước/mẫu do nhà sản xuất hướng dẫn trước khi chiết bằng acetonitril; (ii) sản phẩm dạng lỏng dùng ngay: giới hạn 0,0125 µg/L (tương đương tỷ lệ hoàn nguyên 1:8), không bắt buộc kiểm tra định kỳ nếu chứng minh được nguyên liệu không chứa độc tố ở mức làm sản phẩm vượt giới hạn; (iii) kế hoạch lấy mẫu n = 3, c = 0; phương pháp tham chiếu ISO 18465; áp dụng đối với sản phẩm lưu thông trên thị trường trong suốt thời hạn sử dụng; kết quả đạt khi tất cả giá trị không vượt giới hạn. Dự kiến thông qua và công bố tháng 5/2027; Quy định có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày đăng Công báo Liên minh châu Âu. ***Thời hạn góp ý đến ngày 12/01/2027.***
3	G/SPS/N/NIC/386	TTBVTV	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa	12/11/2026	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quế thanh (*Cinnamomum*	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa dự thảo quy định yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quế thanh (*Cinnamomum verum*) nhập khẩu có xuất xứ từ Việt Nam nhằm bảo vệ lãnh thổ khỏi tác hại của dịch hại.

					verum) nhập khẩu có xuất xứ từ Việt Nam.	Theo đó, Viện Bảo vệ và Kiểm dịch Nông nghiệp Ni-ca-ra-goa (Instituto de Protección y Sanidad Agropecuaria - IPSA) dự thảo Nghị quyết số 256-2026-IPSA ngày 19/10/2026, quy định: (i) Lô hàng phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật chính thức, xác nhận sản phẩm đã được Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (Organización Nacional de Protección Fitosanitaria - ONPF) nước xuất xứ kiểm tra chính thức và không nhiễm mọt cứng đốt (*Trogoderma granarium*); (ii) Lô hàng phải chịu kiểm tra, lấy mẫu chẩn đoán kiểm dịch thực vật tại trạm kiểm dịch cửa khẩu nhập. Ngày thông qua, công bố và có hiệu lực: chưa xác định. Đây là biện pháp tạo thuận lợi thương mại. ***Thời hạn góp ý đến ngày 11/01/2027.***
4	G/SPS/N/EU/988	ATTP, TTBVTV	Liên minh châu Âu	10/11/2026	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Level - MRL) thuốc bảo vệ thực vật trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo.	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Level - MRL) thuốc bảo vệ thực vật trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Theo đó, Ủy ban châu Âu (European Commission - EC) dự thảo Quy định ủy quyền sửa đổi Quy định ủy quyền (EU) 2016/127, điều chỉnh MRL của một số hoạt chất trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo theo mức thấp hơn mới nhất áp dụng cho sữa bò tại Quy định (EC) số 396/2005, cụ thể: (i) Phụ lục IV, MRL (mg/kg): 2-amino-4-methoxy-6-(trifluormethyl)-1,3,5-triazine (AMTT) (từ việc sử dụng tritosulfuron) 0,001; cadusafos 0,006; carbofuran 0,001; chlordane 0,002; demeton-S-methyl, demeton-S-methyl sulfone, oxydemeton-methyl 0,006; emamectin 0,002; epoxiconazole 0,002; ethoprophos 0,008; fenamiphos 0,003; fipronil 0,004; fluometuron 0,002; oxamyl 0,001; phosmet 0,004; propineb 0,006; spirodiclofen 0,004; topramezone 0,002; (ii) Phụ lục V (các hoạt chất không được sử dụng: aldrin, dieldrin, disulfoton, endrin, fensulfothion, fentin, haloxyfop, heptachlor, hexachlorobenzene, nitrofen, omethoate, terbufos): được coi là chưa sử dụng nếu dư lượng không vượt quá 0,003 mg/kg, riêng haloxyfop là 0,002 mg/kg và endrin là 0,001 mg/kg; (iii) làm rõ định nghĩa dư lượng theo Quy định (EC) số 396/2005. Quy định có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày đăng Công báo Liên minh châu Âu và áp dụng

						sau 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực; dự kiến thông qua đầu năm 2027. ***Thời hạn góp ý đến ngày 09/01/2027.***
5	G/SPS/N/TZA/553	BCT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	10/11/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với bột nhão chà là.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với bột nhão chà là nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Theo đó, Cục Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Bureau of Standards - TBS) dự thảo tiêu chuẩn AFDC 12 (4507) DTZS – Bột nhão chà là – Yêu cầu kỹ thuật, xuất bản lần thứ nhất, quy định yêu cầu, lấy mẫu và phương pháp thử đối với bột nhão chế biến từ quả chà là (*Phoenix dactylifera*) dùng làm thực phẩm, cụ thể: (i) độ ẩm tối đa 20%, tro tổng số tối đa 1,2%, tro không tan trong axit tối đa 0,1% (theo khối lượng); (ii) không được sử dụng phụ gia thực phẩm; (iii) giới hạn vi sinh: tổng số vi sinh vật tối đa 10^3 đơn vị hình thành khuẩn lạc (Colony Forming Unit - CFU)/g, nấm men và nấm mốc tối đa 10^2 CFU/g, không có coliform (trong 1 g) và *Staphylococcus aureus* (trong 1 g); (iv) kim loại nặng theo Tiêu chuẩn chung về chất nhiễm bẩn và độc tố trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi CXS 193 của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius Commission - CAC); dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL) của CAC áp dụng đối với sản phẩm này; (v) yêu cầu bao gói và ghi nhãn. Tiêu chuẩn phù hợp với Tiêu chuẩn khu vực Cận Đông về bột nhão chà là CXS 314R-2013 của CAC. ***Thời hạn góp ý đến ngày 09/01/2027.***
6	G/SPS/N/TZA/554	CLCB	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	10/11/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với quả đông lạnh.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với quả đông lạnh nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Theo đó, Cục Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Bureau of Standards - TBS) dự thảo tiêu chuẩn AFDC 12 (4507) DTZS – Quả đông lạnh – Yêu cầu kỹ thuật, xuất bản lần thứ nhất, quy định yêu cầu, lấy mẫu và phương pháp thử đối với quả đông lạnh dùng làm thực phẩm, cụ thể: (i) quả tươi, chín, ở dạng nguyên quả, cắt đôi, cắt

						lát hoặc cắt miếng; nhiệt độ tại tâm sản phẩm phải đạt -18°C; (ii) phụ gia thực phẩm theo Tiêu chuẩn chung về phụ gia thực phẩm CXS 192 của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius Commission - CAC); (iii) giới hạn vi sinh: tổng số vi sinh vật tối đa 10^4 đơn vị hình thành khuẩn lạc (Colony Forming Unit - CFU)/g, nấm men và nấm mốc tối đa 10^3 CFU/g, không có coliform (trong 1 g), *Staphylococcus aureus* (trong 1 g) và *Salmonella* spp. (trong 25 g); (iv) chì tối đa 0,2 mg/kg, cadimi tối đa 0,05 mg/kg; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo mức giới hạn tối đa dư lượng (Maximum Residue Limit - MRL) của CAC áp dụng đối với sản phẩm này; (v) yêu cầu bao gói và ghi nhãn. Tiêu chuẩn tham chiếu Tiêu chuẩn đối với quả mâm xôi đông lạnh nhanh CXS 61:1981 và Tiêu chuẩn đối với dâu tây đông lạnh nhanh CXS 52:1981 của CAC. ***Thời hạn góp ý đến ngày 09/01/2027.***
7	G/SPS/N/TZA/555	BCT	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a	10/11/2026	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với nước giải khát không ga, không đường.	Cộng hòa thống nhất Tan-da-ni-a dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với nước giải khát không ga, không đường nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Theo đó, Cục Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Bureau of Standards - TBS) dự thảo tiêu chuẩn AFDC 12 (4649) DTZS – Nước giải khát không ga, không đường – Yêu cầu kỹ thuật, xuất bản lần thứ nhất, cụ thể: (i) thành phần được phép sử dụng: caffeine; muối ăn theo Tiêu chuẩn Tan-da-ni-a (Tanzania Standard - TZS) 132; chất tạo ngọt không sinh năng lượng theo mức quy định tại Tiêu chuẩn chung về phụ gia thực phẩm CXS 192 của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius Commission - CAC), không được bổ sung chất tạo ngọt sinh năng lượng; nước uống theo TZS 789; hương liệu theo Hướng dẫn sử dụng hương liệu CAC/GL 66; (ii) độ Brix ở 20°C tối đa 0,5; pH 2,5–4,0; caffeine tối đa 150 mg/l; (iii) giới hạn vi sinh: tổng số vi sinh vật tối đa 10^3 đơn vị hình thành khuẩn lạc (Colony Forming Unit - CFU)/ml, nấm men và nấm mốc tối đa 10^2 CFU/ml, không có coliform; (iv) kim loại nặng (mg/l): asen tối đa 0,1; chì tối đa 0,1; thiếc tối đa 150 (sản phẩm đóng hộp); cadimi tối đa 0,003; (v) yêu cầu bao gói, ghi nhãn, trong đó nhãn phải có cảnh báo sản phẩm không phù hợp với trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ,

						phụ nữ mang thai và cho con bú; cảnh báo phải chiếm 15% diện tích nhãn. ***Thời hạn góp ý đến ngày 09/01/2027.***
8	G/SPS/N/USA/3600	TTBVTV	Hoa Kỳ	10/11/2026	Hoa Kỳ dự thảo yêu cầu tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký để chấm dứt một số mục đích sử dụng (tháng 6/2026).	Hoa Kỳ dự thảo yêu cầu tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký để chấm dứt một số mục đích sử dụng (tháng 6/2026). Theo đó, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) thông báo đã nhận và lấy ý kiến về yêu cầu của các đơn vị đăng ký tự nguyện hủy đăng ký một số sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật và/hoặc sửa đổi đăng ký để chấm dứt một hoặc nhiều mục đích sử dụng, theo Luật Liên bang về Thuốc trừ sâu, Thuốc diệt nấm và Thuốc diệt chuột (Federal Insecticide, Fungicide, and Rodenticide Act - FIFRA). EPA dự kiến chấp thuận các yêu cầu khi kết thúc thời gian góp ý, trừ khi nhận được ý kiến thực chất cần xem xét thêm hoặc yêu cầu bị rút lại; khi đó EPA sẽ ban hành lệnh hủy đăng ký/sửa đổi đăng ký trên Công báo Liên bang và việc bán, phân phối, sử dụng các sản phẩm sau khi hủy chỉ được phép theo điều khoản của lệnh cuối cùng. Thông báo G/SPS/N/USA/3600 nêu thời điểm dự kiến thông qua, công bố và có hiệu lực là ngày 09/12/2026. ***Thời hạn góp ý đến ngày 09/12/2026.***
9	G/SPS/N/BRA/2546	TTBVTV	Bra-xin	09/11/2026	Bra-xin dự thảo Thông tư bổ sung hoạt chất T86 – *Trichoderma yunnanense* vào Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt côn trùng gia dụng và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Thông tư bổ sung hoạt chất T86 – *Trichoderma yunnanense* vào Danh mục chuyên khảo về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ thực vật. Theo đó, Cơ quan Giám sát Y tế Quốc gia Bra-xin (Agência Nacional de Vigilância Sanitária - ANVISA) đưa ra lấy ý kiến công chúng (Consulta Pública - CP) số 1428 đối với dự thảo Thông tư (Instrução Normativa - IN) bổ sung hoạt chất T86 – *Trichoderma yunnanense* vào Danh mục chuyên khảo về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ, ban hành kèm theo IN số 103 ngày 19/10/2021. Dự thảo được đăng trên Công báo Bra-xin (Diário Oficial da União - DOU) ngày

						08/10/2026; thời gian lấy ý kiến trong nước từ ngày 14/10/2026 đến ngày 12/12/2026. Việc sửa đổi xuất phát từ nhu cầu thường xuyên đánh giá, đánh giá lại độc tính của các hoạt chất, dẫn đến việc bổ sung, loại bỏ hoặc cập nhật các chuyên khảo trong Phụ lục của IN số 103/2021. Đơn vị phụ trách là Ban Quản lý Độc chất học (Gerência-Geral de Toxicologia - GGTOX); dự thảo được miễn phân tích tác động quy định (Análise de Impacto Regulatório - AIR) do là văn bản hướng dẫn thi hành quy định cấp trên, không có phương án quản lý thay thế. Ngày thông qua, công bố và có hiệu lực sẽ được xác định sau khi kết thúc thời gian lấy ý kiến. ***Thời hạn góp ý đến ngày 08/01/2027.***
10	G/SPS/N/BRA/2547	TTBVTV	Bra-xin	09/11/2026	Bra-xin dự thảo Thông tư sửa đổi chuyên khảo P74 – *Priestia megaterium* trong Danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt côn trùng gia dụng và chất bảo quản gỗ.	Bra-xin dự thảo Thông tư sửa đổi chuyên khảo P74 – *Priestia megaterium* trong Danh mục chuyên khảo về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ thực vật. Theo đó, Cơ quan Giám sát Y tế Quốc gia Bra-xin (Agência Nacional de Vigilância Sanitária - ANVISA) đưa ra lấy ý kiến công chúng (Consulta Pública - CP) số 1430 đối với dự thảo Thông tư (Instrução Normativa - IN) sửa đổi nhóm phân loại theo công dụng nông học (mục 2.1) và nội dung quy định tại mục 2.3 và mục 3.1 của chuyên khảo P74 – *Priestia megaterium* trong Danh mục chuyên khảo về hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm diệt sinh vật gây hại và chất bảo quản gỗ, ban hành kèm theo IN số 103 ngày 19/10/2021. Theo dự thảo, hoạt chất này được phân loại là thuốc trừ tuyến trùng vi sinh và thuốc trừ nấm vi sinh; có thể sử dụng trên các loại cây trồng có đối tượng sinh vật gây hại đã được Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin phê duyệt. Việc phân loại độc tính được xác định riêng cho từng sản phẩm thương mại trên cơ sở đánh giá độc tính của công thức sản phẩm. Dự thảo được đăng trên Công báo Bra-xin (Diário Oficial da União - DOU) ngày 15/10/2026; thời gian lấy ý kiến trong nước từ ngày 20/10/2026 đến ngày 18/12/2026. Việc sửa đổi xuất phát từ nhu cầu thường xuyên đánh giá, đánh giá lại độc tính của các hoạt chất, dẫn đến việc bổ sung, loại bỏ hoặc cập nhật các chuyên khảo trong Phụ lục của IN số 103/2021. Đơn vị phụ trách là Ban Quản lý Độc chất học (Gerência-Geral de Toxicologia

						- GGTOX); dự thảo được miễn phân tích tác động quy định (Análise de Impacto Regulatório - AIR) do là văn bản hướng dẫn thi hành quy định cấp trên, không có phương án quản lý thay thế. Ngày thông qua, công bố và có hiệu lực sẽ được xác định sau khi kết thúc thời gian lấy ý kiến. ***Thời hạn góp ý đến ngày 08/01/2027.***
11	G/SPS/N/JPN/1437	ATTP	Nhật Bản	09/11/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi Quy tắc thi hành Luật Vệ sinh thực phẩm và Quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhằm bổ sung quy định đối với Kali axetat.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi Quy tắc thi hành Luật Vệ sinh thực phẩm và Quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhằm bổ sung quy định đối với kali axetat và dung dịch kali axetat nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Theo đó, Cơ quan Các vấn đề Người tiêu dùng Nhật Bản (Consumer Affairs Agency - CAA) dự kiến: (i) xác định kali axetat là chất ít có khả năng gây hại cho sức khỏe con người; (ii) thiết lập quy chuẩn thành phần đối với kali axetat (C2H3KO2, khối lượng phân tử 98,14): hàm lượng không thấp hơn 99,0% (sau khi sấy), pH 7,5–9,0, chì không quá 2 µg/g, asen không quá 3 µg/g, hao hụt khi sấy không quá 8,0% (150°C, 2 giờ); (iii) thiết lập quy chuẩn đối với dung dịch kali axetat: hàm lượng kali axetat không thấp hơn 58,0%, pH 7,5–10,0, chì không quá 1 µg/g, asen không quá 1,5 µg/g. Dự kiến thông qua và công bố sớm nhất có thể, có hiệu lực sớm nhất có thể sau khi công bố. Đây là biện pháp tạo thuận lợi thương mại. ***Thời hạn góp ý: không áp dụng.***
12	G/SPS/N/MEX/479	TTBVTV	Mê-hi-cô	09/11/2026	Mê-hi-cô dự thảo Nghị định cấm một số loại thuốc bảo vệ thực vật trên lãnh thổ quốc gia.	Mê-hi-cô dự thảo Nghị định cấm một số loại thuốc bảo vệ thực vật trên lãnh thổ quốc gia nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Mê-hi-cô (Secretaría de Agricultura y Desarrollo Rural - SADER) dự thảo Nghị định công bố danh mục 73 loại thuốc bảo vệ thực vật, được xác định theo số đăng ký CAS của hoạt chất bị cấm sản xuất, phối trộn, tổng hợp hoạt chất, đóng gói, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh, phân phối, sử dụng trên lãnh thổ Mê-hi-cô, trong đó: (i) 35 loại loại thuốc bảo vệ thực vật (số 1–35, gồm 2,4-DB, alachlor, aldicarb, carbofuran, chlordane, DDT, endosulfan, lindane,

						parathion, trichlorfon…) đã bị cấm theo Nghị định ngày 04/9/2025; (ii) bổ sung 38 loại thuốc bảo vệ thực vật (số 36–73, gồm acrinathrin, bendiocarb, carbaryl, dicofol, fenoxycarb, methiocarb, methoxychlor, methyl parathion, pentachlorophenol và các muối, triadimenol, vinclozolin, zineb…). Các cơ quan có thẩm quyền phải thu hồi hoặc hủy bỏ các giấy phép, chấp thuận và đăng ký liên quan, đồng thời không cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, phân phối, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật này, trừ trường hợp nhập khẩu, xuất khẩu phục vụ phân tích, nghiên cứu khoa học hoặc hoạt động kiểm soát, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, được cấp phép của Ủy ban Liên bang Phòng chống rủi ro sức khỏe (Comisión Federal para la Protección contra Riesgos Sanitarios - COFEPRIS). Nghị định có hiệu lực vào ngày tiếp theo ngày đăng Công báo Liên bang, thay thế Nghị định ngày 04/9/2025. Quy định chuyển tiếp đối với 38 loại thuốc bảo vệ thực vật bổ sung: giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu còn hiệu lực chỉ được thực hiện trong 30 ngày theo lịch kể từ ngày Nghị định có hiệu lực; sản xuất, phối trộn, đóng gói trong 60 ngày theo lịch kể từ ngày Nghị định có hiệu lực; kinh doanh, phân phối, sử dụng sản phẩm tồn kho tối đa 01 năm, sau đó sản phẩm chưa tiêu thụ phải được chuyển đi xử lý cuối cùng hoặc thiêu hủy trong thời hạn 06 tháng. ***Thời hạn góp ý đến ngày 08/01/2027***.
13	G/SPS/N/IND/359	ATTP	Ấn Độ	06/11/2026	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (Chất nhiễm bẩn, độc tố và dư lượng) năm 2026, bổ sung quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật Acetamiprid và Imidacloprid trong trà.	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (Chất nhiễm bẩn, độc tố và dư lượng) năm 2026, bổ sung quy định về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật Acetamiprid và Imidacloprid trong trà. Theo đó, Cơ quan An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn Ấn Độ (FSSAI) đề xuất bổ sung hai mức giới hạn dư lượng tối đa đối với trà, cụ thể: + Acetamiprid: 20 mg/kg + Imidacloprid: 50 mg/kg Ấn Độ cho biết mức giới hạn tối đa dư lượng đối với Imidacloprid trong trà (50 mg/kg) phù hợp với tiêu chuẩn của Ủy ban Codex Alimentarius và được bổ sung vào Bảng tại khoản 2.3.1

						Điều 2.3 của Quy định An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (Chất nhiễm bẩn, độc tố và dư lượng) năm 2011. Quy định gốc được ban hành ngày 1/8/2011 và sửa đổi gần nhất ngày 14/5/2026. Dự thảo được đề ngày 15/10/2026, đăng Công báo Ấn Độ ngày 16/10/2026. FSSAI sẽ xem xét dự thảo sau 60 ngày kể từ ngày Công báo được cung cấp cho công chúng và tiếp nhận mọi phản đối hoặc đề xuất trong thời hạn này. ***Thời hạn góp ý đến ngày 05/01/2027.***
14	G/SPS/N/IND/360	ATTP	Ấn Độ	06/11/2026	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn đối với việc bổ sung sucrose và fructose trong các sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh đến 6 tháng tuổi năm 2026.	Ấn Độ dự thảo Quy định sửa đổi về An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn đối với việc bổ sung sucrose và fructose trong các sản phẩm dành cho trẻ sơ sinh đến 6 tháng tuổi năm 2026. Theo đó, Cơ quan An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn Ấn Độ (FSSAI) đề xuất không được bổ sung sucrose và fructose vào các sản phẩm dành cho trẻ đến 6 tháng tuổi. Ấn Độ cho biết biện pháp phù hợp với tiêu chuẩn của Ủy ban Codex Alimentarius về sữa công thức cho trẻ sơ sinh (CXS 72-1981), trong đó khuyến nghị tránh sử dụng sucrose nếu không cần thiết và tránh bổ sung fructose do nguy cơ gây triệu chứng đe dọa tính mạng ở trẻ nhỏ mắc chứng không dung nạp fructose di truyền chưa được phát hiện, và được bổ sung tại khoản 6 Điều 3 của Quy định An toàn thực phẩm và Tiêu chuẩn (Thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh) năm 2020. Quy định gốc được ban hành ngày 04/12/2020 và sửa đổi gần nhất ngày 30/8/2022. Dự thảo được đề ngày 15/10/2026, đăng Công báo Ấn Độ ngày 16/10/2026. FSSAI sẽ xem xét dự thảo sau 60 ngày kể từ ngày Công báo được cung cấp cho công chúng, và tiếp nhận mọi phản đối hoặc đề xuất trong thời hạn này. ***Thời hạn góp ý đến ngày 05/01/2027.***
15	G/SPS/N/KOR/855	BYT, BCT	Hàn Quốc	06/11/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Quy định công nhận tiêu chuẩn và quy cách tạm thời đối với nguyên liệu thực	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi Quy định công nhận tiêu chuẩn và quy cách tạm thời đối với nguyên liệu thực phẩm mới, phụ gia thực phẩm, chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng dùng cho dụng cụ, vật chứa và bao bì.

					phẩm mới, phụ gia thực phẩm, chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng dùng cho dụng cụ, vật chứa và bao bì.	Dự thảo sửa đổi nhằm hoàn thiện các nội dung được Luật Vệ sinh thực phẩm (Sắc lệnh của Thủ tướng số 2150, ban hành và có hiệu lực ngày 1/9/2026) giao và các nội dung cần thiết để thi hành. Các nội dung sửa đổi chính gồm: (1) Cập nhật lệ phí vào các biểu mẫu (biểu mẫu số 1–6, 9–14 và 16–21). Theo các biểu mẫu đề xuất, lệ phí đề nghị công nhận là 3.000.000 won đối với nguyên liệu thực phẩm thuộc nhóm thông thường (xử lý trong 120 ngày), 45.000.000 won đối với nhóm nguyên liệu khác (180 hoặc 270 ngày tùy nhóm), 45.000.000 won đối với nguyên liệu thực phẩm nuôi cấy tế bào (270 ngày), 3.000.000 won đối với phụ gia thực phẩm (180 ngày), 3.000.000 won đối với chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng dùng cho dụng cụ, vật chứa và bao bì (đều 14 ngày), và 8.500.000 won đối với thẩm định an toàn nguyên liệu, phụ gia có nguồn gốc từ vi sinh vật biến đổi gen (180 ngày). (2) Mở rộng phạm vi được thay đổi đối với nguyên liệu thực phẩm. Quy định hiện hành loại trừ thực phẩm sử dụng, lượng sử dụng khỏi các nội dung được thay đổi, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Dự thảo cho phép thay đổi thực phẩm sử dụng, lượng sử dụng, phương pháp sản xuất và cơ sở sản xuất nguyên liệu thực phẩm (trừ tên cơ sở sản xuất) trong phạm vi không ảnh hưởng đến an toàn. Đối với phụ gia thực phẩm (trừ chế phẩm diệt khuẩn, khử trùng dùng cho dụng cụ), được thay đổi thành phần và tỷ lệ phối trộn (%) khi thêm chất pha loãng, chất ổn định để bảo quản chất lượng hoặc điều chỉnh hoạt lực. Các thay đổi nhỏ khác không ảnh hưởng đến an toàn vẫn được phép, trừ chất liệu, nguyên liệu, mục đích sử dụng, lượng sử dụng và tiêu chuẩn, quy cách. Điều khoản riêng trước đây về thành phần, tỷ lệ phối trộn của phụ gia bị xóa do đã được gộp vào quy định mới. (3) Lệ phí và thời hạn xử lý hồ sơ thay đổi: miễn lệ phí khi thay đổi người đại diện, tên doanh nghiệp và tên cơ sở sản xuất, địa chỉ, tên nguyên liệu hoặc sản phẩm. Các thay đổi còn lại thuộc điểm 5(a), 5(b) và điểm 6 khoản 2 Điều 5, tùy loại hồ sơ) chịu lệ phí 300.000 won. Hồ sơ thay đổi được xử lý trong 14 ngày kể từ ngày tiếp nhận, riêng thay đổi thực phẩm sử dụng, lượng sử dụng, phương pháp và

						cơ sở sản xuất nguyên liệu thực phẩm được xử lý trong 30 ngày; thay đổi nội dung thông báo kết quả thẩm định an toàn nguyên liệu, phụ gia có nguồn gốc từ vi sinh vật biến đổi gen được xử lý trong 10 ngày. (4) Chỉnh sửa kỹ thuật: tại mục 8 điểm (c) khoản 2 của Phụ lục 3 (phụ gia thực phẩm), "Phụ lục 1" được thay bằng "Phụ lục 3" để dẫn chiếu đúng. ***Quy định dự kiến có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày công bố. Thời hạn góp ý đến ngày 05/01/2027.***
16	G/SPS/N/CAN/1653	BYT	Ca-na-đa	05/11/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi hai Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng đối với chất cô lập cellulose từ trái cây và rau củ và Danh mục enzyme thực phẩm được phép sử dụng đối với nuclease P1 và 3-phytase.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi hai Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng đối với chất cô lập cellulose từ trái cây và rau củ và Danh mục enzyme thực phẩm được phép sử dụng đối với nuclease P1 và 3-phytase. Theo đó, Bộ Y tế Ca-na-đa đã hoàn thành đánh giá trước khi đưa ra thị trường đối với một số hồ sơ đề nghị cho phép sử dụng các chất sau: (1) Chất cô lập cellulose từ trái cây và rau củ làm chất ổn định hoặc chất làm đặc trong kem tươi dùng để đánh bông, với mức sử dụng tối đa 2.000 ppm; đồng thời làm chất tạo thể, chất tạo kết cấu hoặc chất độn trong nhiều loại thực phẩm, với mức sử dụng tối đa khác nhau tùy từng loại thực phẩm. (2) Nuclease P1 từ *Penicillium citrinum* NP 11-15 làm enzyme thực phẩm trong dịch thủy phân cá giàu nucleotide và chiết xuất nấm men giàu nucleotide, với mức sử dụng tối đa theo "Thực hành sản xuất tốt" (Good Manufacturing Practice - GMP). (3) 3-phytase từ *Aspergillus niger* NPH trong các sản phẩm có nguồn gốc thực vật tương tự sản phẩm sữa, cũng như các sản phẩm có nguồn gốc thực vật tương tự sản phẩm có thành phần từ sữa, với mức sử dụng tối đa theo GMP. Thông báo nhằm công bố rộng rãi dự kiến này và cung cấp thông tin liên hệ cho các bên muốn gửi câu hỏi hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến an toàn của các chất này. Hiện chưa có tiêu chuẩn

						quốc tế liên quan. ***Dự thảo sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được cập nhật vào Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thời hạn góp ý đến ngày 27/01/2027.***
17	G/SPS/N/CAN/1654	BYT	Ca-na-đa	05/11/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng với các mục đích sử dụng khác nhằm loại bỏ chloropentafluoroethane và octafluorocyclobutane khỏi danh mục.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng với các mục đích sử dụng khác nhằm loại bỏ chloropentafluoroethane và octafluorocyclobutane khỏi danh mục. Theo đó, Bộ Y tế Ca-na-đa đã khởi động lấy ý kiến về đề xuất không cho phép tiếp tục sử dụng chloropentafluoroethane và octafluorocyclobutane làm phụ gia thực phẩm, bằng cách xóa mục tương ứng của hai chất này khỏi Danh mục nêu trên. Thông báo nhằm công bố rộng rãi dự kiến này và cung cấp thông tin liên hệ cho các bên muốn gửi câu hỏi hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến an toàn của các chất này. Hiện chưa có tiêu chuẩn quốc tế liên quan. ***Dự thảo sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được cập nhật vào Danh mục phụ gia thực phẩm được phép sử dụng của Bộ Y tế Ca-na-đa. Thời hạn góp ý đến ngày 27/01/2027.***
18	G/SPS/N/CAN/1655	BYT	Ca-na-đa	05/11/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục chất chống vón cục được phép sử dụng đối với silicon dioxide.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục chất chống vón cục được phép sử dụng đối với silicon dioxide. Theo đó, Bộ Y tế Ca-na-đa đã hoàn thành đánh giá trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đề nghị cho phép sử dụng silicon dioxide làm chất chống vón cục trong hỗn hợp dinh dưỡng trộn sẵn dùng cho sữa công thức trẻ sơ sinh. Cụ thể, silicon dioxide được phép sử dụng theo mức Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice - GMP), với điều kiện dư lượng silicon dioxide trong sữa công thức ở dạng đã pha để tiêu thụ không được vượt quá 10 ppm. Nội dung sửa đổi phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế của Ủy ban Codex Alimentarius, cụ thể là Tiêu chuẩn chung về phụ gia thực phẩm (CXS 192-1995), Tiêu chuẩn đối với sữa công thức cho trẻ sơ sinh và thực phẩm cho mục đích y tế đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh (CXS 72-1981), Tiêu chuẩn đối với sữa công thức tiếp theo cho trẻ

						lớn hơn và sản phẩm cho trẻ nhỏ (CXS 156-1987) và Danh mục khuyến nghị các hợp chất dinh dưỡng dùng trong thực phẩm cho chế độ ăn đặc biệt dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ (CXG 10-1979). Thông báo nhằm công bố rộng rãi quyết định này và cung cấp thông tin liên hệ cho các bên muốn gửi câu hỏi hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến an toàn của chất này. ***Nội dung sửa đổi đã có hiệu lực từ ngày 29/10/2026. Thời hạn góp ý đến ngày 12/01/2027.***
19	G/SPS/N/KOR/853	ATTP	Hàn Quốc	04/11/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng (Thông báo dự thảo số 2026-512).	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng (Thông báo dự thảo số 2026-512). Theo đó, Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (Ministry of Food and Drug Safety - MFDS) đề xuất: (i) tái cấu trúc khung quy định, theo đó tách nội dung "Lấy mẫu và xử lý mẫu thử" khỏi tiêu chuẩn và quy chuẩn chung, chuyển nội dung "Nguyên liệu thô" sang tiêu chuẩn sản xuất chung, đồng thời loại bỏ các nội dung không cần thiết và làm rõ quy định; (ii) bổ sung 03 nguyên liệu mới dùng để sản xuất thành phần dinh dưỡng gồm canxi L-methylfolate (đối với axit folic), magie citrat (đối với magie) và sắt (II) citrat (đối với sắt), đồng thời ban hành quy chuẩn thành phần đối với nguyên liệu magie và sắt; (iii) thay đổi đơn vị của chỉ tiêu tổng số vi khuẩn đối với cao đặc nhân sâm và hồng sâm từ mililit (mL) sang gam (g); (iv) bổ sung phương pháp sản xuất đối với dầu, chất béo chứa EPA và DHA (phương pháp ép bao gồm cả ly tâm) nhằm mở rộng nguồn cung nguyên liệu và lựa chọn sản xuất; (v) bổ sung mô sụn của cá tầm và cá đuối vào danh mục nguyên liệu thô được phép sử dụng để sản xuất mucopolysaccharide-protein trên cơ sở bằng chứng khoa học thu được sau tái đánh giá; (vi) bãi bỏ mức giới hạn trên (10 tỷ CFU) của lượng sử dụng hằng ngày đối với lợi khuẩn (probiotics), chuyển thành "từ 100 triệu CFU trở lên"; (vii) làm rõ lượng sử dụng hằng ngày của một số nguyên liệu chức năng như chất xơ, được tính theo thành phần chức năng (hoặc thành phần chỉ thị) thay vì theo tên nguyên liệu. Theo dự thảo, quy định có hiệu lực kể từ ngày ban hành. ***Thời hạn góp ý đến ngày 03/01/2027.***

20	G/SPS/N/KOR/854	ATTP	Hàn Quốc	04/11/2026	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng (Thông báo dự thảo số 2026-513).	Hàn Quốc dự thảo sửa đổi một phần Tiêu chuẩn và Quy chuẩn đối với thực phẩm chức năng (Thông báo dự thảo số 2026-513). Theo đó, Bộ An toàn Thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (Ministry of Food and Drug Safety - MFDS) đề xuất tăng cường tiêu chuẩn sản xuất chung đối với nguyên liệu chức năng nhằm phòng ngừa tình trạng lạm dụng và tác dụng phụ khi sử dụng đồng thời nhiều sản phẩm hoặc sản phẩm phối trộn nhiều nguyên liệu chức năng, cụ thể: nguyên liệu chức năng khi được sử dụng làm nguyên liệu khác chỉ được dùng với hàm lượng dưới 30% lượng sử dụng hằng ngày do MFDS quy định; không được phối trộn các nguyên liệu chức năng có lưu ý khi sử dụng liên quan đến bệnh gan. Đồng thời, trên cơ sở kết quả tái đánh giá về tính an toàn và công dụng, dự thảo sửa đổi, bổ sung lưu ý khi sử dụng đối với 03 loại nguyên liệu chức năng gồm: chiết xuất trà xanh (bổ sung trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ vào nhóm đối tượng tránh sử dụng; bổ sung cảnh báo có thể gây hại cho gan trong một số ít trường hợp và tránh sử dụng cùng thực phẩm chức năng có công dụng giảm mỡ cơ thể); dầu gan cá mập chứa alkoxyglycerol (bổ sung lưu ý: trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú tránh sử dụng; người có cơ địa dị ứng có thể bị phản ứng quá mẫn; ngừng sử dụng và tham vấn chuyên gia khi xảy ra phản ứng bất lợi); theanine (bổ sung trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, trẻ em vào nhóm đối tượng tránh sử dụng do ghi nhận trường hợp sản phẩm được sử dụng không phù hợp với công dụng đã công bố là "có thể giúp giảm căng thẳng do stress"). Theo dự thảo, quy định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2028. ***Thời hạn góp ý đến ngày 03/01/2027.***
21	G/SPS/N/MAR/123	ATTP, CLCB, CNTY	Ma-rốc	04/11/2026	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 2-10-473 ngày 06/9/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 28-07 về an toàn thực phẩm.	Ma-rốc dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 2-10-473 ngày 06/9/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật số 28-07 về an toàn thực phẩm. Theo đó, dự thảo bổ sung định nghĩa "rút sản phẩm" (biện pháp ngăn chặn việc phân phối sản phẩm sơ cấp, thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi chưa đến tay người tiêu dùng hoặc người sử dụng cuối cùng bằng cách rút khỏi kênh phân phối hoặc nơi lưu kho) và "thu hồi sản phẩm" (biện pháp rút sản phẩm khỏi thị trường ở bất kỳ công

						đoạn nào của chuỗi thực phẩm, kể cả khi sản phẩm đã đến tay người tiêu dùng hoặc người sử dụng cuối cùng). Đồng thời, dự thảo quy định các thiết bị, dụng cụ có bộ phận đo lường hoặc giám sát mà kết quả ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm phải được hiệu chuẩn và/hoặc kiểm định theo chương trình được lập thành văn bản với tần suất phù hợp; sản phẩm sơ cấp và thực phẩm chỉ được coi là phù hợp khi không chứa hương liệu hoặc chất hỗ trợ chế biến ngoài danh mục cho phép do cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp ban hành; bãi bỏ yêu cầu cấp phép đối với premix, thức ăn hỗn hợp và thức ăn bổ sung cho động vật, theo đó thức ăn chăn nuôi được coi là phù hợp khi không chứa phụ gia không được phép hoặc vượt giới hạn quy định; mẫu danh sách các phòng thử nghiệm được công nhận do cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp quy định. Dự thảo được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn Codex CXG 66-2008, CXC 1-1969, CXG 75-2010 và CXC 54-2004. Nghị định có hiệu lực kể từ ngày đăng Công báo. ***Thời hạn góp ý đến ngày 03/01/2027.***
22	G/SPS/N/TUR/165	BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	04/11/2026	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Thông tư thuộc Bộ luật Thực phẩm quy định đối với mứt quả, thạch quả, mứt cam và hạt dẻ nghiền có bổ sung đường.	Thổ Nhĩ Kỳ dự thảo Thông tư thuộc Bộ luật Thực phẩm quy định đối với mứt quả, thạch quả, mứt quả nghiền và hạt dẻ nghiền có bổ sung chất tạo ngọt. Theo đó, dự thảo quy định đặc tính của các sản phẩm mứt quả, mứt quả đặc biệt (extra jam), thạch quả, thạch quả đặc biệt (extra jelly), mứt quả nghiền truyền thống, mứt quả có múi dạng thạch, mứt quả có múi và hạt dẻ nghiền có bổ sung đường nhằm bảo đảm các sản phẩm này được sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển và kinh doanh theo thực hành sản xuất tốt và trong điều kiện vệ sinh; dự thảo không áp dụng đối với sản phẩm dùng để sản xuất bánh ngọt, bánh quy và các sản phẩm bánh nướng. Dự thảo quy định lượng thịt quả hoặc quả nghiền tối thiểu trong 1.000 g sản phẩm: mứt quả không ít hơn 450 g, mứt quả đặc biệt không ít hơn 500 g (trừ một số loại quả như lý chua đỏ, lý chua đen, thanh lương trà, hắc mai biển, tầm xuân, mộc qua, gừng, điều, chanh leo áp dụng mức thấp hơn); mứt quả có múi không ít hơn 200 g quả có múi, trong đó thịt quả tối thiểu 75 g; mứt quả nghiền truyền thống tối thiểu 450 g; hạt dẻ nghiền có bổ sung đường không ít hơn 380 g hạt

						dẻ (Castanea sativa). Hàm lượng chất khô hòa tan đo bằng khúc xạ kế không thấp hơn 60% (mứt quả nghiền truyền thống không thấp hơn 55%), trừ sản phẩm sử dụng chất tạo ngọt thay thế đường một phần hoặc toàn bộ đối với nhóm sản phẩm áp dụng mức 60%. Đồng thời, dự thảo quy định giới hạn tạp chất (hạt, cuống, lá, quả xanh và quả khuyết tật), danh mục thành phần được phép bổ sung, nguyên tắc chế biến nguyên liệu và yêu cầu ghi nhãn, trong đó nhãn phải ghi "được chế biến từ … g quả trong 100 g sản phẩm" theo điều kiện quy định và sản phẩm có hàm lượng chất khô hòa tan giảm tối thiểu 25% được ghi là "ít đường". So với Tiêu chuẩn Codex CXS 296-2009, dự thảo quy định hàm lượng quả trong mứt và thạch cao hơn và bổ sung sản phẩm hạt dẻ nghiền có bổ sung đường. Dự thảo được xây dựng trên cơ sở hài hòa với Chỉ thị 2001/113/EC của EU và thay thế Thông tư số 2006/55. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày công bố trên Công báo Thổ Nhĩ Kỳ (dự kiến ngày 01/3/2027); các cơ sở kinh doanh thực phẩm hoạt động trước ngày công bố Thông tư phải tuân thủ quy định chậm nhất ngày 31/12/2027; các sản phẩm đáp ứng quy định cũ của những cơ sở này, được đưa ra thị trường trước ngày 31/12/2027, được phép tiếp tục lưu hành đến hết thời hạn sử dụng. ***Thời hạn góp ý đến ngày 03/01/2027.***
23	G/SPS/N/CAN/1651	ATTP	Ca-na-đa	02/11/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng đối với vitamin B6.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng đối với vitamin B6. Cụ thể, Bộ Y tế Ca-na-đa đã tiến hành đánh giá để xem xét việc điều chỉnh điều kiện sử dụng vitamin B6 trong thực phẩm bổ sung, dựa trên ý kiến khoa học cập nhật của Ban Chuyên gia về Dinh dưỡng, Thực phẩm mới và Dị ứng thực phẩm thuộc Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA) về mức giới hạn hấp thụ tối đa có thể chấp nhận được (upper intake level - UL) đối với vitamin B6. Ngoài ra, Bộ Y tế Ca-na-đa cũng xem xét các thử nghiệm đối chứng và báo cáo ca bệnh trong y văn cùng thông tin trong Cơ sở dữ liệu trực tuyến về phản ứng bất lợi của Ca-na-đa (Canada Vigilance). Kết quả đánh giá ủng hộ việc điều chỉnh điều kiện sử dụng vitamin B6, bao gồm lượng tối đa được phép trong thực phẩm bổ sung và ngưỡng hàm lượng phải ghi cảnh báo trên nhãn. Do đó,

						Bộ Y tế Ca-na-đa đề xuất sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng theo nội dung tại tài liệu thông tin kèm theo. Thông báo được công bố rộng rãi nhằm cung cấp thông tin liên hệ cho các bên muốn gửi ý kiến, câu hỏi hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến an toàn của thành phần này. Hiện chưa có tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Các sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được cập nhật vào Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng. ***Thời hạn góp ý đến ngày 20/01/2027.***
24	G/SPS/N/CAN/1652	ATTP	Ca-na-đa	02/11/2026	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng đối với selen.	Ca-na-đa dự thảo sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng đối với selen. Cụ thể, Bộ Y tế Ca-na-đa đã tiến hành đánh giá nhằm xem xét điều chỉnh điều kiện sử dụng selen trong thực phẩm bổ sung, căn cứ ý kiến khoa học cập nhật của Ban Chuyên gia về Dinh dưỡng, Thực phẩm mới và Dị ứng thực phẩm thuộc Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA) về mức giới hạn hấp thụ tối đa có thể chấp nhận được (upper intake level - UL) đối với selen. Kết quả đánh giá ủng hộ việc sửa đổi các điều kiện sử dụng selen, gồm lượng tối đa được phép trong thực phẩm bổ sung và ngưỡng hàm lượng phải ghi cảnh báo trên nhãn. Do đó, Bộ Y tế Ca-na-đa đề xuất sửa đổi Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng theo nội dung tại tài liệu thông tin kèm theo. Thông báo được công bố rộng rãi nhằm cung cấp thông tin liên hệ cho các bên muốn gửi ý kiến, câu hỏi hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến an toàn của thành phần này. Hiện chưa có tiêu chuẩn quốc tế liên quan. Các sửa đổi có hiệu lực kể từ ngày được cập nhật vào Danh mục các thành phần bổ sung được phép sử dụng. ***Thời hạn góp ý đến ngày 20/01/2027.***

2. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/BRA/2550	TTBVTV	Bra-xin	13/11/2026	Bra-xin ban hành Quy định số 1.699 ngày 04/11/2026 cập nhật yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với vật liệu nhân giống cây hoa baby (Gypsophila spp.) nhập khẩu từ mọi nguồn gốc.	Bra-xin ban hành Quy định số 1.699 ngày 04/11/2026 cập nhật yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với vật liệu nhân giống cây hoa baby (*Gypsophila* spp.) nhập khẩu từ mọi nguồn gốc. Theo đó, Cục Kiểm dịch Động thực vật (Secretaria de Defesa Agropecuária - SDA) thuộc Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi Bra-xin (Ministério da Agricultura e Pecuária - MAPA) ban hành Quy định (Portaria) số 1.699 thay thế Quy định số 1.660 ngày 08/7/2026, chủ yếu loại bỏ Arion hortensis và Lygus elisus khỏi khai báo bổ sung đối với cây con và cành giâm. Lô hàng phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (Organização Nacional de Proteção Fitossanitária - ONPF) nước xuất xứ cấp, khai báo bổ sung: (i) cây con, cành giâm: không nhiễm *Chrysodeixis eriosoma, Frankliniella intonsa, Spodoptera exigua, Tetranychus kanzawai, Erysiphe buhrii, Nepovirus lycopersici, Rhodococcus fascians* (riêng cây con thêm *Ditylenchus dipsaci, Heterodera schachtii*); (ii) cây in vitro: không nhiễm *Nepovirus lycopersici, Rhodococcus fascians*; (iii) hạt giống: không nhiễm *Euphorbia helioscopia, Nepovirus lycopersici, Rhodococcus fascians*. Áp dụng chuyển tiếp 180 ngày đối với cây con *G. elegans, G. paniculata* từ I-xra-en và hạt *Gypsophila* từ Đan Mạch, Pháp, Hung-ga-ri, Hà Lan. ***Thời hạn góp ý đến ngày 12/01/2027.***

2	G/SPS/N/BDI/124/Add.1[1]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1243:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với nước dùng thịt, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1243:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với nước dùng thịt, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1243:2024 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/124[2] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1243:2026.
3	G/SPS/N/BDI/128/Add.1[3]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1242:2026 về quy phạm thực hành đối với thịt chế biến, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1242:2026 về quy phạm thực hành đối với thịt chế biến, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1242:2024 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/128[4] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1242:2026.

[1] G/SPS/N/BDI/124/Add.1, G/SPS/N/KEN/321/Add.1, G/SPS/N/RWA/117/Add.1, G/SPS/N/TZA/419/Add.1, G/SPS/N/UGA/410/Add.1
[2] G/SPS/N/BDI/124, G/SPS/N/KEN/321, G/SPS/N/RWA/117, G/SPS/N/TZA/419, G/SPS/N/UGA/410
[3] G/SPS/N/BDI/128/Add.1, G/SPS/N/KEN/325/Add.1, G/SPS/N/RWA/121/Add.1, G/SPS/N/TZA/423/Add.1, G/SPS/N/UGA/414/Add.1
[4] G/SPS/N/BDI/128, G/SPS/N/KEN/325, G/SPS/N/RWA/121, G/SPS/N/TZA/423, G/SPS/N/UGA/414

4	G/SPS/N/BDI/133/Add.1[5]	BCT	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1268:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột gạo, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1268:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột gạo, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1268:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/133[6] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1268:2026.
5	G/SPS/N/BDI/134/Add.1[7]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1270:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với hạt lúa mạch đen, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1270:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với hạt lúa mạch đen, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1270:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/134[8] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1270:2026.
6	G/SPS/N/BDI/135/Add.1[9]	BCT	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1271:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột lúa mạch đen, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1271:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột lúa mạch đen, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1271:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/135[10] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1271:2026.

[5] G/SPS/N/BDI/133/Add.1, G/SPS/N/KEN/336/Add.1, G/SPS/N/RWA/126/Add.1, G/SPS/N/TZA/454/Add.1, G/SPS/N/UGA/444/Add.1
[6] G/SPS/N/BDI/133, G/SPS/N/KEN/336, G/SPS/N/RWA/126, G/SPS/N/TZA/454, G/SPS/N/UGA/444
[7] G/SPS/N/BDI/134/Add.1, G/SPS/N/KEN/337/Add.1, G/SPS/N/RWA/127/Add.1, G/SPS/N/TZA/455/Add.1, G/SPS/N/UGA/445/Add.1
[8] G/SPS/N/BDI/134, G/SPS/N/KEN/337, G/SPS/N/RWA/127, G/SPS/N/TZA/455, G/SPS/N/UGA/445
[9] G/SPS/N/BDI/135/Add.1, G/SPS/N/KEN/338/Add.1, G/SPS/N/RWA/128/Add.1, G/SPS/N/TZA/456/Add.1, G/SPS/N/UGA/446/Add.1
[10] G/SPS/N/BDI/135, G/SPS/N/KEN/338, G/SPS/N/RWA/128, G/SPS/N/TZA/456, G/SPS/N/UGA/446

7	G/SPS/N/BDI/137/Add.1[11]	BCT	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 282:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột thô lúa mì, xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 282:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột thô lúa mì, xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 282:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/137[12] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 282:2026.
8	G/SPS/N/BDI/139/Add.1[13]	BCT	Cộng đồng Đông Phi	11/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 44:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm ngô xay, xuất bản lần thứ sáu.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 44:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm ngô xay, xuất bản lần thứ sáu. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 44:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/139[14] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 44:2026.
9	G/SPS/N/CHL/860/Add.3	CNTY	Chi-lê	11/11/2026	Chi-lê ban hành Nghị quyết số 10.523 năm 2026 quy định yêu cầu thú y đối với tinh dịch bò đông lạnh nhập khẩu vào Chi-lê.	Chi-lê ban hành Nghị quyết số 10.523 năm 2026 quy định yêu cầu thú y đối với tinh dịch bò đông lạnh nhập khẩu vào Chi-lê. Theo đó, Nghị quyết (Resolución Exenta) số 10.523 năm 2026 quy định yêu cầu thú y đối với việc nhập khẩu tinh dịch bò đông lạnh vào Chi-lê và bãi bỏ Nghị quyết số 5618 năm 2013. Quy định có hiệu lực sau 06 tháng kể từ ngày đăng Công báo (09/11/2026).

[11] G/SPS/N/BDI/137/Add.1, G/SPS/N/KEN/340/Add.1, G/SPS/N/RWA/130/Add.1, G/SPS/N/TZA/458/Add.1, G/SPS/N/UGA/448/Add.1
[12] G/SPS/N/BDI/137, G/SPS/N/KEN/340, G/SPS/N/RWA/130, G/SPS/N/TZA/458, G/SPS/N/UGA/448
[13] G/SPS/N/BDI/139/Add.1, G/SPS/N/KEN/342/Add.1, G/SPS/N/RWA/132/Add.1, G/SPS/N/TZA/460/Add.1, G/SPS/N/UGA/450/Add.1
[14] G/SPS/N/BDI/139, G/SPS/N/KEN/342, G/SPS/N/RWA/132, G/SPS/N/TZA/460, G/SPS/N/UGA/450

10	G/SPS/N/BDI/125/Add.1[15]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	10/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 953:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với thịt gia cầm đã làm sạch.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 953:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với thịt gia cầm đã làm sạch. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 953:2024 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/125[16] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 953:2026.
11	G/SPS/N/BDI/126/Add.1[17]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	10/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 26:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với thịt bò muối đóng hộp, xuất bản lần thứ hai.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 26:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với thịt bò muối đóng hộp, xuất bản lần thứ hai. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 26:2024 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/126[18] đã được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/06/2026 với số hiệu EAS 26:2026. Tiêu chuẩn được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/06/2026.

[15] G/SPS/N/BDI/125/Add.1, G/SPS/N/KEN/322/Add.1, G/SPS/N/RWA/118/Add.1, G/SPS/N/TZA/420/Add.1, G/SPS/N/UGA/411/Add.1
[16] G/SPS/N/BDI/125, G/SPS/N/KEN/322, G/SPS/N/RWA/118, G/SPS/N/TZA/420, G/SPS/N/UGA/411
[17] G/SPS/N/BDI/126/Add.1, G/SPS/N/KEN/323/Add.1, G/SPS/N/RWA/119/Add.1, G/SPS/N/TZA/421/Add.1, G/SPS/N/UGA/412/Add.1
[18] G/SPS/N/BDI/126, G/SPS/N/KEN/323, G/SPS/N/RWA/119, G/SPS/N/TZA/421, G/SPS/N/UGA/412

12	G/SPS/N/BDI/127/Add.1[19]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	10/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 84-1:2026 về phân hạng và quy cách pha lóc thịt – Phần 1: Thịt bò, xuất bản lần thứ ba.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 84-1:2026 về phân hạng và quy cách pha lóc thịt – Phần 1: Thịt bò, xuất bản lần thứ ba. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 84-1:2024 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/127[20] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 84-1:2026.
13	G/SPS/N/BDI/136/Add.1[21]	CLCB	Cộng đồng Đông Phi	10/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1272:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với hạt diêm mạch (quinoa), xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1272:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với hạt diêm mạch (quinoa), xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1272:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/136[22] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1272:2026.

[19] G/SPS/N/BDI/127/Add.1, G/SPS/N/KEN/324/Add.1, G/SPS/N/RWA/120/Add.1, G/SPS/N/TZA/422/Add.1, G/SPS/N/UGA/413/Add.1
[20] G/SPS/N/BDI/127, G/SPS/N/KEN/324, G/SPS/N/RWA/120, G/SPS/N/TZA/422, G/SPS/N/UGA/413
[21] G/SPS/N/BDI/136/Add.1, G/SPS/N/KEN/339/Add.1, G/SPS/N/RWA/129/Add.1, G/SPS/N/TZA/457/Add.1, G/SPS/N/UGA/447/Add.1
[22] G/SPS/N/BDI/136, G/SPS/N/KEN/339, G/SPS/N/RWA/129, G/SPS/N/TZA/457, G/SPS/N/UGA/447

14	G/SPS/N/BDI/138/Add.1[23]	BCT	Cộng đồng Đông Phi	10/11/2026	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1273:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột diêm mạch (quinoa), xuất bản lần thứ nhất.	Cộng đồng Đông Phi thông qua Tiêu chuẩn Đông Phi (East African Standard - EAS) 1273:2026 về yêu cầu kỹ thuật đối với bột diêm mạch (quinoa), xuất bản lần thứ nhất. Theo đó, Bu-run-đi, Kê-ni-a, Ru-an-đa, Tan-da-ni-a và U-gan-đa thông báo dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi (Draft East African Standard - DEAS) 1273:2025 đã thông báo tại số G/SPS/N/BDI/138[24] được Hội đồng Bộ trưởng Cộng đồng Đông Phi thông qua ngày 30/6/2026 với số hiệu EAS 1273:2026.

[23] G/SPS/N/BDI/138/Add.1, G/SPS/N/KEN/341/Add.1, G/SPS/N/RWA/131/Add.1, G/SPS/N/TZA/459/Add.1, G/SPS/N/UGA/449/Add.1
[24] G/SPS/N/BDI/138, G/SPS/N/KEN/341, G/SPS/N/RWA/131, G/SPS/N/TZA/459, G/SPS/N/UGA/449

15	G/SPS/N/NZL/787/Add.1	TTBVTV	Niu Di-lân	10/11/2026	Niu Di-lân thông qua Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (Import Health Standard - IHS) 155.02.06 đối với cây trồng dùng để nhân giống (Plants for Planting).	Niu Di-lân thông qua Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (Import Health Standard - IHS) 155.02.06 đối với cây trồng dùng để nhân giống (Plants for Planting). Theo đó, Bộ Công nghiệp cơ bản Niu Di-lân (Ministry for Primary Industries - MPI) đã điều chỉnh nội dung dự thảo đã thông báo: (i) không áp dụng các biện pháp kiểm dịch thực vật bổ sung đã đề xuất đối với 14 chi cây ký chủ – dịch hại, gồm: *Alnus* – *Phytophthora alpina, P. debattistii, P. heteromorpha, P. pseudogregata; Amaranthus, Moluccella* – virus khảm xanh lốm đốm dưa chuột; *Cedrus – Lecanosticta acicola; Corylus, Salix – Phytoplasma 16SrV-D (Flavescence dorée); Eucalyptus – Diaporthe malorum; Hibiscus, Ipomoea, Pelargonium* – virus vàng lá cà chua; Malva – virus khảm Pepino và virus vàng lá cà chua; *Oenothera, Pistacia – 'Candidatus Phytoplasma solani'; Paeonia – Pleiocarpon algeriense*; (ii) các biện pháp bổ sung còn lại đã được áp dụng và có hiệu lực; (iii) mở lại luồng nhập khẩu bị tạm dừng đối với 7 chi: *Actinotus, Aeonium, Astrophytum, Coryphantha, Dioscorea, Mammillaria, Portulacaria* (không thay đổi yêu cầu nhập khẩu). Tiêu chuẩn ban hành ngày 04/11/2026, thay thế Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu đối với cây trồng dùng để nhân giống năm 2025 (ban hành ngày 05/11/2025). Các biện pháp khẩn cấp ban hành kèm được thông báo tại G/SPS/N/NZL/797. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 09/11/2026.***

16	G/SPS/N/NZL/797	TTBVTV	Niu Di-lân	10/11/2026	Niu Di-lân ban hành biện pháp khẩn cấp sửa đổi Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (Import Health Standard - IHS) 155.02.06 đối với cây giống thuộc chi *Daphne*, *Punica* và *Vitis*.	Niu Di-lân ban hành biện pháp khẩn cấp sửa đổi Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (Import Health Standard - IHS) 155.02.06 đối với cây giống thuộc chi *Daphne*, *Punica* và *Vitis* nhằm bảo vệ thực vật. Theo đó, Bộ Công nghiệp cơ bản Niu Di-lân (Ministry for Primary Industries - MPI) đã: (i) sửa đổi biện pháp quản lý virus hoại tử bên trong quả nho (grapevine berry inner necrosis virus - GINV) trên cây *Vitis*: thay việc kiểm tra trong mùa sinh trưởng tại khu cách ly sau nhập khẩu bằng xét nghiệm phân tử bắt buộc bằng phản ứng chuỗi polymerase (Polymerase Chain Reaction - PCR) hoặc giải trình tự thông lượng cao (High-Throughput Sequencing - HTS), do có bằng chứng cây nho trưởng thành nhiễm bệnh không triệu chứng và môi giới truyền bệnh là nhện lông nhung hại nho (*Colomerus vitis*) đã có mặt tại một số vùng trồng nho của Niu Di-lân; (ii) bổ sung biện pháp đối với vi khuẩn *Xylella fastidiosa* trên cây *Daphne* và *Punica*, theo danh mục ký chủ cập nhật của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA). Biện pháp phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế về biện pháp kiểm dịch thực vật số 13 (International Standard for Phytosanitary Measures - ISPM 13). ***Biện pháp khẩn cấp có hiệu lực từ ngày 09/11/2026.***

17	G/SPS/N/EU/940/Add.1	ATTP	Liên minh châu Âu	03/11/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2376 ngày 28/10/2026 về việc sửa đổi Quy định (EU) 2022/1616 liên quan đến quản lý sổ đăng ký của Liên minh, hồ sơ chứng minh sự tuân thủ, phương pháp thử và các tài liệu phải xuất trình khi thông quan để lưu thông tự do.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2376 ngày 28/10/2026 về việc sửa đổi Quy định (EU) 2022/1616 liên quan đến quản lý sổ đăng ký của Liên minh, hồ sơ chứng minh sự tuân thủ, phương pháp thử và các tài liệu phải xuất trình khi thông quan để lưu thông tự do. Quy định đã được thông báo tại G/SPS/N/EU/940 ngày 15/4/2026 nay đã được thông qua bằng Quy định (EU) 2026/2376 của Ủy ban châu Âu ngày 28/10/2026. Các nội dung sửa đổi chính gồm: (1) Hồ sơ chứng minh sự phù hợp: Tại các khâu lưu thông, trừ khâu bán lẻ, các cơ sở kinh doanh phải cung cấp Tuyên bố về sự phù hợp đối với vật liệu và sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định. Các cơ sở kinh doanh phải lưu giữ sẵn hồ sơ, tài liệu chứng minh sự phù hợp tại thời điểm phát hành tuyên bố và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc khi được yêu cầu; chỉ được tiếp nhận vật liệu, sản phẩm nhựa hoặc thực phẩm có bao bì thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định khi có Tuyên bố về sự phù hợp tương ứng đi kèm. Tuyên bố có thể được cung cấp dưới dạng tài liệu điện tử có chữ ký, bảo đảm có thể truy cập ngay, đọc và in bằng phần mềm thông dụng. Doanh nghiệp thực phẩm sử dụng vật liệu, sản phẩm nhựa tái chế để bao gói thực phẩm được miễn nghĩa vụ cung cấp Tuyên bố về sự phù hợp cho nhà bán lẻ và nhà phân phối cung ứng cho nhà bán lẻ nếu đáp ứng các điều kiện về cung cấp thông tin, hướng dẫn sử dụng và thông tin về thành phần nhựa tái chế. Tuy nhiên, khi được yêu cầu, doanh nghiệp phải cung cấp Tuyên bố về sự phù hợp đã nhận từ nhà cung cấp hoặc tuyên bố mới do doanh nghiệp phát hành trong thời hạn 10 ngày làm việc nếu yêu cầu được đưa ra trong khuôn khổ hoạt động kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền; các trường hợp khác là 20 ngày làm việc. (2) Các loại tuyên bố tuân thủ: bổ sung Tuyên bố P cho nhựa đầu vào và nhựa đã sơ chế một phần (kèm số lô), giữ nguyên Tuyên bố về sự phù hợp loại A (Tuyên bố A) của đơn vị tái chế

						và Tuyên bố về sự phù hợp loại B (Tuyên bố B) của đơn vị gia công, bổ sung Tuyên bố về sự phù hợp loại C (Tuyên bố C) dạng đơn giản hóa cho khâu sản xuất cuối, không phải cấp số lô mới nhưng phải liệt kê các cơ sở tái chế đã tham gia sản xuất; Tuyên bố C chỉ được cấp khi đơn vị đã nhận Tuyên bố A hoặc B từ nhà cung cấp. Thành phần của vật liệu và sản phẩm nhựa tái chế kèm theo Tuyên bố C không được cố ý thay đổi trong bất kỳ công đoạn lưu thông tiếp theo nào. Việc bổ sung các chất vào nhựa tái chế trong các công đoạn lưu thông tiếp theo với tổng lượng bổ sung không vượt quá 1% khối lượng (w/w) không được coi là sự thay đổi thành phần. Lượng chất được bổ sung tại từng công đoạn tiếp theo phải được ghi trong Tuyên bố C. Hồ sơ lô nhựa phải được lưu tối thiểu 5 năm. Cho phép tái sử dụng phế liệu cắt và mảnh vụn của nhựa tái chế trong gia công theo Quy định (EU) số 10/2011. (3) Thủ tục hải quan: Việc thông quan để lưu thông tự do đối với các sản phẩm thuộc phạm vi quy định phải có hồ sơ chứng minh sự phù hợp tương ứng, theo mã hàng hóa được quy định tại Bảng 6 Phụ lục I, áp dụng với nhựa PET tái chế và các sản phẩm từ PET tái chế (hạt nhựa, phế liệu nhựa PET, chai, màng, tấm, hộp, đồ dùng gia đình, bộ đồ ăn và đồ bếp, tấm nhiều lớp có lớp PET tái chế sau lớp chắn chức năng), nhưng không áp dụng với thực phẩm đóng gói, thiết bị chế biến thực phẩm và thiết bị gia dụng. (4) Quản lý sổ đăng ký của Liên minh châu Âu: thiết lập hệ thống đăng ký điện tử phục vụ quản lý sổ đăng ký để doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền trực tiếp nhập, cập nhật thông tin dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền; quy định rõ các trạng thái đăng ký của cơ sở khử nhiễm (mới đăng ký, đang thiết lập, đang hoạt động, không hoạt động, bị đình chỉ, chờ kiểm toán, ngừng hoạt động hẳn) và của công nghệ mới; quy định thời hạn đăng ký trước khi vận hành (ít nhất: 30 ngày làm việc đối với cơ sở khử nhiễm, 15 ngày làm việc đối với chương trình tái chế, 6 tháng đối với công nghệ mới), nộp bảng tóm tắt giám sát tuân thủ trong 30 ngày kể từ khi bắt đầu sản xuất, xác nhận thông tin sáu tháng một lần; tự động chuyển trạng thái, cảnh báo trước 30, 10 và 3 ngày,

						và tự động xóa khỏi sổ đăng ký sau một năm đối với một số trạng thái. (5) Phương pháp thử: quy định giới hạn tối đa đối với đặc tính của nhựa đầu vào; với nhựa PET tái chế cơ học sau tiêu dùng đã rửa và sấy khô (chứa tối đa 5% vật liệu đã từng tiếp xúc với chất không phải thực phẩm), kết quả thử theo Phụ lục A của ISO 12418-2:2012 hoặc phương pháp có hiệu năng tương đương hoặc cao hơn phải đạt m1/m0 ≤ 500 ppm, m2/m0 ≤ 200 ppm và m3/m0 ≤ 500 ppm. Sản phẩm tuân thủ quy định cũ cần Tuyên bố A hoặc B được tiếp tục lưu hành đến hết 18/02/2027. Sản phẩm cần Tuyên bố C hoặc P được lưu hành không cần các tuyên bố này đến hết 18/5/2027. Vật liệu và sản phẩm nhựa tái chế sản xuất từ các sản phẩm đó được lưu hành đến khi hết hàng tồn kho. ***Quy định được thông qua ngày 28/10/2026, công bố ngày 29/10/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 kể từ ngày đăng trên Công báo của Liên minh châu Âu (tức ngày 18/11/2026).***

18	G/SPS/N/PHL/548	CNTY	Phi-líp-pin	03/11/2026	Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 60 năm 2026 của Cục Chăn nuôi Phi-líp-pin (BAI) về việc hướng dẫn thực hiện các quy định cập nhật về nhập khẩu chó và mèo vào Phi-líp-pin.	Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 60 năm 2026 của Cục Chăn nuôi Phi-líp-pin (BAI) về việc hướng dẫn thực hiện các quy định cập nhật về nhập khẩu chó và mèo vào Phi-líp-pin. Theo đó, Thông tư được ban hành trên cơ sở Thông tư số 14 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp về nhập khẩu hàng nông sản và Thông tư số 38 năm 2026 của BAI về yêu cầu sức khỏe động vật khi nhập khẩu động vật sống. Phi-líp-pin quy định mỗi con chó, mèo nhập khẩu phải có kết quả xét nghiệm hiệu giá kháng thể trung hòa vi rút dại (RNATT) và Mẫu 1 (Giấy chứng nhận tiêm phòng, hiệu giá kháng thể và điều trị). Các nội dung chính gồm: (1) Quy định chung: chỉ nhà nhập khẩu đã đăng ký trên Hệ thống thương mại của Bộ Nông nghiệp mới được nộp đơn xin Giấy phép nhập khẩu kiểm dịch động vật (SPSIC). Mọi chó, mèo nhập khẩu, bất kể số lượng, phải có SPSIC được duyệt trước khi nhập cảnh. Mỗi con phải có kết quả RNATT đạt từ 0,5 IU/ml trở lên do phòng thí nghiệm được chính phủ công nhận của nước xuất khẩu thực hiện. Giấy chứng nhận thú y quốc tế (IVHC) do cơ quan thú y quốc gia nước xuất khẩu cấp phải bằng tiếng Anh và được cấp trong vòng 10 ngày trước khi xuất khẩu. (2) Hồ sơ và thủ tục xin SPSIC: gồm thông tin cá nhân của nhà nhập khẩu (người này phải đi cùng chó, mèo), Mẫu 1 riêng cho từng con (thông tin nhà nhập khẩu và vật nuôi, tiêm phòng dại, kết quả RNATT, điều trị nội/ngoại ký sinh trùng, vi mạch định danh theo chuẩn ISO) và ảnh chụp từng con. Thời gian xử lý tối đa 11 ngày, tính từ khi hồ sơ chuyển sang trạng thái “Đang xem xét”. SPSIC có hiệu lực 60 ngày, nghĩa là lô hàng phải được xuất đi khỏi nước xuất khẩu chậm nhất vào ngày ghi tại mục “Must Ship Out Date” trên giấy phép, chỉ dùng cho một lô hàng, không được chuyển nhượng và không được gia hạn. Không giới hạn số lượng nhập khẩu nếu đáp ứng đủ yêu cầu. Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin. (3) Yêu cầu sức khỏe: vắc-xin dại phải do bác sĩ thú y có giấy phép của nước xuất khẩu tiêm, khi vật nuôi tối thiểu 12 tuần tuổi. Khi nộp SPSIC, vật nuôi phải tối thiểu 18 tuần tuổi để đủ thời gian có kết quả RNATT. Ngoài vắc-xin dại, không yêu cầu vắc-xin nào

						khác; trường hợp có tiêm vắc-xin khác thì cũng phải ghi vào Mẫu 1. Thuốc tẩy ký sinh trùng trong và ngoài phải còn hiệu lực đến ngày nhập cảnh. Không cho phép nhập chó, mèo đang mang thai tại thời điểm nộp đơn. Nếu đã sinh thì được nhập sau 18 tuần kể từ khi sinh. Thông tin nhận dạng phải được bác sĩ thú y của chính phủ hoặc được chính phủ công nhận xác minh. (4) Quy định về RNATT: vắc-xin phải còn hiệu lực tại ngày lấy mẫu máu. Mẫu máu được lấy sau tối thiểu 30 ngày kể từ mũi tiêm đầu tiên hoặc mũi tiêm nhắc sau khi mũi trước đã hết hạn, còn nếu vắc-xin đang còn hiệu lực thì có thể lấy bất kỳ lúc nào. Phi-líp-pin công nhận kết quả của các phòng thí nghiệm được Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) hoặc Ủy ban châu Âu phê duyệt, cũng như phòng thí nghiệm được chính phủ nước xuất xứ công nhận. Báo cáo xét nghiệm phải có số vi mạch, kết quả và chi tiết tiêm phòng, bản giấy xuất trình khi nhập cảnh. Nước tự công bố không có bệnh dại vẫn phải tiêm phòng và đạt RNATT. Kết quả đạt có giá trị suốt đời vật nuôi nếu mỗi mũi tiêm nhắc được thực hiện trong thời hạn hiệu lực của mũi trước. Nếu tiêm nhắc trễ dù chỉ một ngày, kết quả RNATT mất hiệu lực và phải làm lại toàn bộ tiêm phòng và RNATT. (5) Hướng dẫn hoàn thành Mẫu 1: Mẫu 1 khác IVHC, tải từ website của BAI và nộp cùng hồ sơ SPSIC, mỗi con một mẫu. Mẫu gồm các phần: nhà nhập khẩu (phải là người nộp SPSIC và đi cùng vật nuôi), nhận dạng vật nuôi (số vi mạch tuân thủ ISO, thường gồm 15 chữ số, nếu không thì nhà nhập khẩu phải tự mang đầu đọc), hồ sơ tiêm phòng (bằng tiếng Anh hoặc có bản dịch), điều trị ký sinh trùng, kết quả RNATT, cam kết của bác sĩ thú y điều trị và xác nhận của bác sĩ thú y chính phủ hoặc được chính phủ công nhận. Tên nhà nhập khẩu phải thống nhất giữa SPSIC, Mẫu 1 và IVHC. (6) Thủ tục khi nhập cảnh: nếu nhà nhập khẩu mang theo hoặc ký gửi cùng chuyến bay, phải xuất trình SPSIC bản in, bản gốc IVHC, Mẫu 1 đã ký và bản sao chứng nhận RNATT. Nếu nhận tại kho hàng hóa sân bay, xuất trình thêm vận đơn hàng không có dấu xác nhận của hãng bay. IVHC bản điện tử được chấp nhận

						nếu mã tham chiếu có thể xác minh trên nền tảng chính thức do cơ quan thú y nước xuất khẩu chỉ định hoặc xác nhận với BAI. Phí và lệ phí nộp theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp, bằng tiền mặt và đồng peso Phi-líp-pin. Vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành. Thông tư được ký ngày 26/10/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2027, áp dụng với các hồ sơ SPSIC nộp từ ngày này. Chó, mèo thuộc SPSIC được duyệt đến hết 31/12/2026 vẫn được vận chuyển trong thời hạn hiệu lực 60 ngày của SPSIC mà không cần RNATT và Mẫu 1. Các văn bản trái với Thông tư này bị bãi bỏ hoặc sửa đổi tương ứng. ***Thời hạn góp ý đến ngày 02/01/2027.***